TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DSST
Ngày: 26/9/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang**
Các Hội thẩm nhân dân: **+ Ông Nguyễn Văn Lam.**
+ Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: **Ông Lương Công Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Bà Giản Thị Chung -** Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS ngày 10/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QDST - DS ngày 29/8/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ma Thị L, sinh năm 1962. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ea T, huyện E, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1968; bà Lương Thị Đ, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH sản xuất - thương mại và dịch vụ X.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Hạ H- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Toàn Q - Chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Lô CN - 14 Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017, bản tự khai và các biên bản hoà giải tại tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Ma Thị L trình bày: Năm 2010 công ty TNHH SXTM và dịch vụ X (gọi tắt là công ty X), có trụ sở tại huyện C, tỉnh Đ và bà có thỏa thuận

ký kết hợp đồng mua bán phân bón theo hình thức, bà là người trực tiếp đứng ra giao dịch với công ty, nhận số lượng phân bón từ công ty và trực tiếp bán lại cho các hộ dân trên địa bàn xã E, huyện K, tỉnh Đ. Tuy nhiên khi bà giao phân bón cho các hộ dân thì giữa công ty và các hộ dân có ký kết 01 hợp đồng kinh tế, theo đó khi đến hạn thanh toán tiền phân, nếu các hộ dân không giao đủ số tiền mua phân bón theo hợp đồng cho bà thì công ty sẽ ra thông báo yêu cầu các hộ dân phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ cho công ty, nhưng bà sẽ là người có quyền thu hồi số nợ.

Trong năm 2010 công ty X, thông qua bà thì công ty X có bán cho vợ chồng ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ, trú tại thôn E, xã E số lượng phân bón phân NPK và phân vi sinh, tổng số tiền là 94.924.000 đồng. Tuy nhiên đến năm 2011 ông T, bà Đ vẫn không thanh toán hết số tiền nợ mua phân bón cho bà, do đó ngày 16/5/2011 công ty X có ra thông báo về việc yêu cầu ông T, bà Đ phải thanh toán hết số nợ cho công ty trước ngày 25/6/2014 và giao thông báo này cho bà được trực tiếp thu hồi số nợ, đồng thời bà đã hoàn trả cho công ty số nợ 94.924.000 đồng thay ông T, bà Đ.

Sau đó bà tiến hành đòi ông T, bà Đ nhiều lần nhưng ông bà cứ hẹn mà không trả, nên ngày 30/10/2017 ông T, bà Đ có viết cho bà một giấy khất nợ, hẹn đến ngày 02/12/2017 sẽ trả 30% số nợ 94.9240.000 đồng, còn lại khi nào bà cần, ông T, bà Đ sẽ trả hết.

Tuy nhiên đến nay ông T, bà Đ không trả số nợ cho bà như thỏa thuận, nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Đ phải có nghĩa vụ trả hết số nợ 94.924.000 đồng cho bà.

- Về án phí: Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T, bà Đ đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Toàn Q, đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH sản xuất thương mại và địch vụ X tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q trình bày:

Ông xác nhận năm 2010 công ty X và bà Ma Thị L, trú tại thôn 4, xã Ea T, huyện E có ký kết hợp đồng mua bán phân bón theo hình thức, bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch với công ty, nhận số lượng phân bón từ công ty và bán lại cho các hộ dân trên địa bàn xã E, huyện K. Tuy nhiên khi bà L giao phân bón cho các hộ dân thì giữa công ty và các hộ dân có ký kết 01 hợp đồng kinh tế, theo đó khi đến hạn thanh toán tiền phân, nếu các hộ dân không giao đủ số tiền mua phân bón theo hợp đồng cho bà L thì công ty sẽ ra thông báo yêu cầu các hộ dân phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ cho công ty, nhưng bà L sẽ là người có quyền thu số nợ.

Đối với trường hợp ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ trú tại thôn E, xã E , huyện K, tỉnh Đ. Ông xác nhận năm 2010 công ty không trực tiếp giao dịch mua bán phân bón với ông T, bà Đ mà do bà L trực tiếp giao dịch. Tuy nhiên đến năm 2011 ông T vẫn chưa thanh toán hết số tiền nợ mua bán phân bón với bà L, nên ngày 16/5/2011 công ty có thông báo về việc yêu cầu ông T, bà Đ phải thanh toán

hết số nợ cho công ty trước ngày 25/6/2014 và giao thông báo này cho bà Ma Thị L được trực tiếp đi thu hồi số nợ, đồng thời bà Ma Thị L đã thực hiện hết nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết với công ty vào năm 2010. Hiện nay giữa bà L và công ty không còn quan hệ dân sự gì với nhau.

Đối với số nợ 94.924.000 đồng mà ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ còn nợ công ty theo thông báo ngày 16/5/2011 thì bà Ma Thị L cũng đã hoàn trả cho công ty thay ông T, bà Đ.

Do vậy bà L có toàn quyền đối với số nợ 94.924.000 đồng mà ông Hoàng Đức T còn nợ công ty. Nay bà L khởi kiện ông Tuấn, yêu cầu ông T, bà Đ phải có nghĩa vụ trả số nợ 94.924.000 đồng cho bà L thì công ty đồng ý để bà L khởi kiện buộc ông T cùng vợ phải trả số nợ trên cho bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017, bà Ma Thị L yêu cầu ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ thanh toán cho bà số tiền 94.924.000 đồng. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự thì thấy rằng: Chủ thể giao kết hợp đồng là bà Ma Thị L (bên bán) và ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ (bên mua) đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi để giao kết hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện. Các bên có ký kết hợp đồng mua bán tài sản (phân bón) thông qua hình thức giao phân bón trước nhận tiền sau. Cụ thể: Năm 2010 thông qua bà Ma Thị L, công ty X có bán cho ông Hoàng Đức T số lượng phân bón, quy ra tiền là 94.924.000 đồng và thỏa thuận người trực tiếp thu hồi số nợ mua bán phân bón của ông T, bà Đ là bà Ma Thị L, hẹn đến cuối năm 2010 ông T, bà Đ

phải có nghĩa vụ trả hết số nợ mua bán phân bón cho bà L. Tuy nhiên đến năm 2011 ông T, bà Đ vẫn chưa trả nên công ty X ra thông báo về việc yêu cầu ông T, bà Đ phải có nghĩa vụ trả hết số nợ cho bà L vào ngày 25/6/2014. Sau đó bà Ma Thị L đã thanh toán toàn bộ số nợ mua bán phân bón cho công ty X, có bao gồm cả số nợ của ông T, bà Đ. Do đó đến ngày 30/10/2017 ông T đã viết cho bà L 01 giấy khuất nợ hẹn đến ngày 01/12/2017 sẽ trả 30% số nợ, 70% số nợ còn lại ông T, bà Đh hẹn khi nào bà L cần thì sẽ thanh toán hết.

Như vậy khi mua bán phân bón giữa các bên có thỏa thuận với nhau thời gian cụ thể ông T, bà Đ phải thanh toán tiền cho bà L. Đến nay mặc dù bà Lan đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua bán phân bón cho bà L. Như vậy, ông T, bà Đ đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản đối với bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 434, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ nhưng ông T, bà Đ đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2018, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã ra quyết định số 02/2018/QĐ - TCGĐ, yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lăk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Đức Tuấn trong "giấy cam kết trả nợ lập ngày 30/10/2017" và các mẫu chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Đức T lưu trữ tại Tòa án, bao gồm: Bản tự khai đề ngày 07/11/2011; Biên bản hòa giải đề ngày 07/5/2012 và Biên bản hòa giải đối chất đề ngày 19/11/2012. Kết quả xác định chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Đức T "giấy cam kết trả nợ lập ngày 30/10/2017" và các mẫu chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Đức T lưu trữ tại Tòa án là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định ông Hoàng Đức T còn nợ bà L số 94.240.000 đồng.

[3.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Mặc dù trong "giấy cam kết trả nợ lập ngày 30/10/2017" có tên bà Lương Thị Đ nhưng không có chữ ký, chữ viết của bà Lương Thị Đ, tuy nhiên số tiền 94.924.000 đồng là tiền nợ do mua bón phân bón chăm sóc cây cà phê, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần buộc bà Lương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số nợ mua bón phân cho bà L theo quy định. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận lời khai của bà L.

Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị L là có cơ sở chấp nhận, cần buộc vợ chồng ông T thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, giao trả số tiền mua phân bón cho bà L là 94.924.000 đồng.

Do bà L không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công tu TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ X không có yêu cầu gì trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung và thủ tục tố tụng của vụ án có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 5.760.000 đồng tiền chi phí giám định và cần buộc ông T, bà Đ phải hoàn trả cho bà L tiền chi phí giám định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430; khoản 1 Điều 434; khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị L.

Buộc ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ phải thanh toán cho bà Ma Thị L số tiền 94.924.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2]. Về chi phí trưng cầu giám định: Ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ phải nộp 6.756.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Hoàn trả lại cho bà Ma Thị L số tiền 6.756.000 đồng sau khi thu được của ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Đức T, bà Lương Thị Đ phải nộp 4.746.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Ma Thị L số tiền 2.373.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002371 ngày 20/12/2017.

[4]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐăkLăk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang